

Bản án số: **28/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 30-9-2021

V/v: “Tranh chấp về ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Duyên;

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Thư và ông Nguyễn Bá Tòng;

- Thư ký phiên tòa: bà Đoàn Thị Mỹ Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên;

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021, về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Huỳnh Thị Thu T, sinh năm 1996; địa chỉ: khu phố PH, phường HHT, thị xã Đ, Phú Yên; chỗ ở hiện nay: XY, Phường S, thành phố T, Phú Yên (có mặt).

2. Bị đơn: anh Bùi Văn H, sinh năm 1989; địa chỉ: khu phố PH, phường HHT, thị xã Đ, Phú Yên (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Bùi Kim Th, sinh năm 1965 và bà Trần Thị Tuyết M, sinh năm 1968; địa chỉ: khu phố PH, phường HHT, thị xã Đ, Phú Yên (có mặt).

- Ông Huỳnh C, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1978; địa chỉ: thôn ĐT, xã HĐ, huyện PH, tỉnh Phú Yên (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thu T và bị đơn anh Bùi Văn H thống nhất trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Cả hai tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân và kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 87 do UBND thị trấn HHT (nay là phường HHT), thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên cấp ngày 02/7/2018. Thời gian đầu hai vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay cả hai xét thấy bất đồng quan

điểm sống, thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Gia H3, sinh ngày 31/8/2018. Sau ly hôn, chị Huỳnh Thị Thu T và anh Bùi Văn H thống nhất để chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Bùi Gia H3. Về cấp dưỡng nuôi con: tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu tòa giải quyết.

Về nợ chung chị Huỳnh Thị Thu T và anh Bùi Văn H không thống nhất, cụ thể:

Chị Huỳnh Thị Thu T trình bày: Sau khi kết hôn, anh Bùi Văn H thường xuyên dính vào tệ nạn xã hội (cờ bạc) chị đồng ý lấy tiền mừng cưới trả hết khoản nợ 60.000.000 đồng. Sau đó, vợ chồng anh chị ra Hà Nội lập nghiệp, nhưng anh H vẫn lâm vào tệ nạn cờ bạc đã đổ nợ và bán hết số vốn 4-5 cây vàng để trả nợ và về quê lập nghiệp vào năm 2019. Sau khi về quê lập nghiệp, chị T và anh Bùi Văn H có mượn cha mẹ chồng là ông Bùi Kim Th, bà Trần Thị Tuyết M số tiền 225.000.000 đồng để mua máy móc, thiết bị mở cơ sở chăm sóc sắc đẹp (bảng hiệu Nana Spa) ở nhà chồng tại PH, HHT. Trong quá trình làm ăn, chị T để dành tiết kiệm và trả cho cha mẹ chồng (ông Th, bà M) số tiền 50.000.000 đồng. Vào tháng 02/2021, chị T và anh H cùng có ý định thuê nhà ở TH để mở thêm cơ sở 2 và mượn cha mẹ chị là ông Huỳnh C, bà Nguyễn Thị H2 số tiền 150.000.000 đồng để thuê mặt bằng, mua máy móc, trang thiết bị cho cơ sở 2 tại XY, Phường S, thành phố T. Việc mượn nợ tiền từ ba mẹ hai bên là nợ chung của chị và anh H, mượn tiền để làm ăn, mở tiệm kinh doanh chăm sóc sắc đẹp, làm nguồn thu chính của hai vợ chồng chị và anh H; mọi chi phí trang trải cuộc sống cho gia đình đều từ tiền kinh doanh tiệm chăm sóc sắc đẹp mà ra, không phải mượn tiền để tiêu xài cho cá nhân chị. Nay cả hai thuận tình ly hôn, chị yêu cầu giải quyết phần nợ của cha mẹ chồng là ông Bùi Kim Th, bà Trần Thị Tuyết M số tiền 120.000.000 đồng thì cả hai cùng có trách nhiệm trả nợ; còn đối với khoản nợ 150.000.000 đồng của cha mẹ chị là ông Huỳnh C, bà Nguyễn Thị H2 thì chị không yêu cầu tòa giải quyết vì anh H không thừa nhận, xem như đây là tài sản riêng của chị.

- Anh Bùi Văn H trình bày: Việc vay mượn tiền anh không biết, chị T mượn thì chị T trả. Việc chị T mượn tiền để đầu tư mở cơ sở kinh doanh NaNa Spa tại nhà cha mẹ anh là của riêng chị T, anh chỉ phụ việc nhà, còn việc kinh doanh, tiền bạc liên quan đến kinh doanh của chị T thì anh không biết. Do đó, anh không đồng ý theo yêu cầu của chị T, đề nghị Tòa xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Bùi Kim Th, bà Trần Thị Tuyết M (có yêu cầu độc lập) trình bày: Vào tháng 6/2019, vợ chồng Bùi Văn H, Huỳnh Thị Thu T ở Hà Nội về thất nghiệp; không còn vốn, tiền bạc gì hết. Chị Huỳnh Thị Thu T mượn vợ chồng

ông bà (ông T, bà M) để đi học nghề chăm sóc sắc đẹp nên ông bà đồng ý. Học nghề từ tháng 7/2019 đến tháng 9/2019 chị T về mở tiệm Spa tại nhà ông bà với tổng số tiền cho mượn là 56 chỉ vàng y quy đổi ra là 225.000.000 đồng. Cuối năm 2019, chị T trả 15.000.000 đồng, năm 2020 trả thêm 35.000.000 đồng, tổng cộng 50.000.000 đồng. Chị T nói trả vàng thì chị T trả không được, nên tính tròn nợ 230.000.000 đồng, đã trả 50.000.000 đồng, như vậy chị T còn nợ lại 180.000.000 đồng.

Đến ngày 10/3/2021, vợ chồng H-T nói mở thêm cơ sở 2 tại XY, Phường S, thành phố T và chở đồ đạc ra ngoài đó lắp ráp thì đến cuối tháng 3/2021 chị T nói thiếu tiền nên mượn thêm 10.000.000 đồng. Đến ngày 24/4/2021, Huỳnh Thị Thu T đuổi Bùi Văn H về và nói chia tay, nên ngày 26/4/2021 vợ chồng ông bà và vợ chồng sui gia (ông Huỳnh C, bà Nguyễn Thị H2) ngồi lại để giải quyết, tính ra đồ đạc còn lại ở tiệm Spa tại nhà ông bà là 60.000.000 đồng. Như vậy, Huỳnh Thị Thu T còn nợ lại 120.000.000 đồng, giữa hai bên sui gia viết giấy hẹn nợ vào ngày 26/7/2021 Huỳnh Thị Thu T trả cho vợ chồng ông bà, còn 10.000.000 đồng chị T hẹn một tuần trả nhưng đến nay chưa trả cho ông bà. Do đó, đối với khoản nợ 120.000.000đ chị Huỳnh Thị Thu T mượn để học nghề, để mua mỹ phẩm, dụng cụ thiết bị để mở cơ sở kinh doanh chăm sóc sắc đẹp tại nhà vợ chồng ông bà là của riêng chị T, nên ông bà yêu cầu Tòa án buộc một mình chị T trả số tiền này.

- Ông Huỳnh C, bà Nguyễn Thị H2 trình bày: đối với khoản nợ 150.000.000đ mà vợ chồng ông bà (ông C, bà H2) cho vợ chồng Huỳnh Thị Thu T và Bùi Văn H mượn để mở tiệm chăm sóc sắc đẹp cơ sở 2 tại XY, Phường S, TP. T thì ông bà không yêu cầu giải quyết vì lý do: Bùi Văn H từ chối việc mượn nợ vì cho rằng chỉ mình con ông bà (chị T) đứng mượn, vợ chồng ông bà xem như cho con ông bà (chị T) mượn riêng, xem đây là tài sản riêng của Huỳnh Thị Thu T, phần nợ này ông bà và chị T tự thương lượng, không yêu cầu tòa giải quyết.

Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin giữ nguyên lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các bên đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Huỳnh Thị Thu T khởi kiện xin ly hôn anh Bùi Văn H và giải quyết các vấn đề về con chung, nợ chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ

luật Tổ tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tổ tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa.

[1.2] Về sự tham gia của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa: Trong quá trình giải quyết và thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, căn cứ khoản 2 Điều 21 và Điều 220 Bộ luật Tổ tụng dân sự, Hội đồng xét xử không có sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Huỳnh Thị Thu T và anh Bùi Văn H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn HHT (nay là phường), thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên vào năm 2018, là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy hôn nhân giữa chị T và anh H đã rạn nứt trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên tự sống xa nhau một thời gian, không còn quan tâm đến nhau. Chị T yêu cầu được ly hôn anh Bùi Văn H và anh H đồng ý thuận tình ly hôn, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Huỳnh Thị Thu T và anh Bùi Văn H.

[2.2] Về con chung: chị Huỳnh Thị Thu T và anh Bùi Văn H có 01 con chung tên Bùi Gia H3, sinh ngày 31/8/2018. Chị Huỳnh Thị Thu T và anh Bùi Văn H thống nhất để chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Bùi Gia H3. Xét thấy, chị T có đủ sức khỏe, có thu nhập ổn định, đang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu; nên việc thỏa thuận giao con chung cho chị T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng giữa chị T, anh H là tự nguyện, phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu Bùi Gia H3 cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con: cả hai tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

Anh H được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung: chị T và anh H cùng thống nhất không yêu cầu tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Số tiền 120.000.000 đồng theo giấy hẹn nợ ngày 26/4/2021 (do ông Th, bà M cung cấp) có nội dung: "... chị Huỳnh Thị Thu T mượn 120.000.000 đồng. Hẹn đến ngày 26/7/2021 trả đúng số tiền nói trên để vợ chồng tôi (ông T, bà M) mua bảo hiểm nhân thọ cho cháu Bùi Gia H3 sinh năm 2018...", được chị T, anh H, ông Th, bà M, ông C, bà Hưng ký xác nhận; được các đương sự thừa nhận. Do đó, việc mượn (vay) tiền 120.000.000 đồng giữa các bên là có thật, là tình tiết không phải chứng minh.

Xét việc mượn tiền theo giấy hẹn nợ ngày 26/4/2021 là nợ chung hay nợ riêng của chị T và anh H, Hội đồng xét xử thấy rằng: chị T trình bày việc mượn tiền của cha mẹ chồng (ông Th, bà M) là để học nghề, mua mỹ phẩm, máy móc

thiết bị mở cơ sở kinh doanh chăm sóc sắc đẹp tại nhà cha mẹ chồng là phù hợp theo lời trình bày của ông Th, bà M và anh H “chị T mượn tiền để đi học nghề và sau đó mở cơ sở kinh doanh chăm sóc sắc đẹp tại nhà ông Th, bà M”. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, anh Bùi Văn H thừa nhận: “từ khi ở Hà Nội về quê, vợ chồng anh H, chị T không có vốn (tiền) để làm ăn; anh H thất nghiệp, chỉ ở nhà lo phụ công việc nhà, mọi vấn đề về tiền bạc liên quan đến việc kinh doanh cơ sở chăm sóc sắc đẹp đều do chị T quản lý” là phù hợp với với trình bày của chị T, ông Th, bà M. Anh H cũng thừa nhận mọi chi phí chi tiêu sinh hoạt trang trải cuộc sống cho gia đình (của vợ, con anh) đều từ việc kinh doanh do chị T mà có. Anh H cho rằng việc mượn tiền để học nghề, mua máy móc thiết bị, mỹ phẩm để kinh doanh là của riêng chị T nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh có sự thỏa thuận này theo quy định tại Điều 25 Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy, đủ cơ sở xác định số tiền 120.000.000 đồng theo giấy hẹn nợ ngày 26/4/2021 là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, anh H biết và buộc phải biết nên anh H phải cùng có trách nhiệm liên đới theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T và yêu cầu độc lập của ông Th, bà M, buộc chị T và anh H cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ số tiền 120.000.000 đồng. Chị T và anh H ly hôn nên mỗi người phải có trách nhiệm trả cho ông Th, bà M số tiền 60.000.000 đồng.

[2.5] Đối với số tiền 150.000.000 đồng: anh H không thừa nhận, chị T và ông C, bà H2 không yêu cầu tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Đối với các tài sản gồm máy móc, thiết bị và mỹ phẩm đã mua sắm cho cơ sở kinh doanh chăm sóc sắc đẹp từ nguồn tiền mượn của ông Th, bà M, đã được chị T, anh H, ông Th, bà M tự thỏa thuận khấu hao và cân trừ. Và tại phiên tòa chị T và anh H vẫn không yêu cầu tòa giải quyết đối với các tài sản chung này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: chị T, anh H thuận tình ly hôn nên chịu 50% án phí về yêu cầu xin ly hôn (chị T tự nguyện chịu). Chị T, anh H phải chịu 6.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản nợ 120.000.000 đồng phải trả cho ông Th, bà M. Hoàn trả cho ông Th, bà M số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 27, 29, 30, 45, 51, 55, 56, 58, 81 và 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Áp dụng Điều 463 Bộ luật Dân sự; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Thu T và yêu cầu độc lập của ông Bùi Kim Th, bà Trần Thị Tuyết M, vì có căn cứ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Huỳnh Thị Thu T và anh Bùi Văn H.

2. Về con chung: giao cháu Bùi Gia H3 (sinh ngày 31/8/2018) cho chị Huỳnh Thị Thu T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Bùi Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: không xem xét giải quyết.

4. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Về tài sản chung: không xem xét giải quyết.

6. Về nợ chung: chị Huỳnh Thị Thu T và anh Bùi Văn H cùng có trách nhiệm liên đới đối với số tiền 120.000.000đ (*một trăm hai mươi triệu đồng*) đã mượn của vợ chồng ông Bùi Kim Th và bà Trần Thị Tuyết M.

Buộc chị Huỳnh Thị Thu T phải trả cho vợ chồng ông Bùi Kim Th và bà Trần Thị Tuyết M số tiền 60.000.000đ (*sáu mươi triệu đồng*).

Buộc anh Bùi Văn H phải trả cho vợ chồng ông Bùi Kim Th và bà Trần Thị Tuyết M số tiền 60.000.000đ (*sáu mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

7. Về án phí:

Chị Huỳnh Thị Thu T tự nguyện chịu 150.000đ án phí về yêu cầu xin ly hôn và 3.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000đ theo Biên lai tạm ứng án phí số 0001549 ngày 11/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên nên còn phải nộp 2.850.000đ (*hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*).

Anh Bùi Văn H phải chịu 3.000.000đ (*ba triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho vợ chồng ông Bùi Kim Th và bà Trần Thị Tuyết M số tiền tạm ứng án phí 3.000.000đ (*ba triệu đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004099 ngày 07/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã Đông Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Đông Hòa;
- Các đương sự;
- UBND phường HHT;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Duyên

CÁC HỘI THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA